TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /2019/QĐST- DS	*Tuyên Quang, ngày 21 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Th- ờng vụ Quốc hội khoá 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2019, về việc các đ- ơng sự thoả thuận đ- ợc với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 62/2019/TLST- DS, ngày 13 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự đ- ợc ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đ- ơng sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số nhà 3, tổ 2, phường H, T.P Tuyên Quang, Tuyên Quang.

- Bị đơn: Ông Bùi Minh T2, sinh năm 1962
- Bà Trần Thu H, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Số nhà 7, tổ 5, phường T, T.P Tuyên Quang, Tuyên Quang.

2. Anh Bùi Minh T2 và chị Trần Thu H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc là 410.000.000 đồng *(Bốn trăm mười triệu đồng)*; tiền lãi 12.300.000 đồng *(Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng)*; tổng cộng là 422.300.000 đồng *(Bốn trăm hai hai triệu ba trăm nghìn đồng).* Trong đó anh Bùi Minh T2 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền 211.150.000 đồng *(Hai trăm mười một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng);* chị Trần Thu H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền 211.150.000 đồng *(Hai trăm mười một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng);*

Tr□ờng hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả t□ơng ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền đ□ợc thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

* Về án phí: Anh Bùi Minh T2 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 5.279.000đồng *(Năm triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng).* Chị Trần Thu H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 5.279.000đồng *(Năm triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng).*

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí của vụ án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ VA+ TA

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hương Giang

ʊ